

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI LUẬN GIỚI THIỆU VỀ BẢN THÂN ỨNG VIÊN
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNT ngày / /2025 của Trường ĐH Nha Trang)

Bài luận cá nhân của ứng viên (personal statement) kèm trong hồ sơ ứng tuyển thạc sĩ bao gồm các nội dung sau (nội dung khoảng 800 đến 1500 từ):

1. Giới thiệu khái quát về bản thân, quá trình học tập và công tác của ứng viên.
2. Trình bày những hiểu biết của mình về ngành dự tuyển, xu hướng phát triển của ngành.
3. Động cơ lựa chọn ngành học, nguyện vọng, định hướng học tập và định hướng nghề nghiệp gắn với kế hoạch phát triển cá nhân của ứng viên khi tham gia học ngành đăng ký dự tuyển và sau khi tốt nghiệp.

Mẫu của bài luận cá nhân như sau:

BÀI LUẬN CÁ NHÂN

Họ và tên ứng viên:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ:.....

Ứng viên viết các nội dung 1, 2, 3 nói trên.

Phụ lục II
CHỦ ĐỀ VIẾT BÀI LUẬN THEO NGÀNH TUYỂN SINH
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNT ngày / /2025 của Trường ĐH Nha Trang)

TT	Ngành/Chuyên ngành đăng ký dự tuyển	Chủ đề bài luận
1	Nuôi trồng Thủy sản	<p>Hàng năm, Viện/trường sẽ ra các chủ đề khác nhau liên quan đến các vấn đề về Nuôi trồng Thủy sản.</p> <p>Các chủ đề chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh lý-sinh thái, - Sản xuất giống và nuôi thương phẩm - Quản lý môi trường - Quản lý sức khỏe động vật thủy sản - Dinh dưỡng và thức ăn
2	Khai thác Thủy sản	<p>Bài luận tổng quát ứng viên tự viết, chủ đề tự do theo mẫu hướng dẫn chung của Trường</p>
3	Quản lý Thủy sản	<p>Bài luận tổng quát ứng viên tự viết, chủ đề tự do theo mẫu hướng dẫn chung của Trường</p>
4	Công nghệ Sinh học	<p>Bài luận thuộc các chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng Công nghệ sinh học trong một lĩnh vực cụ thể (thực phẩm, thủy sản, y dược, thú y, môi trường,...) gắn với kế hoạch phát triển cá nhân - Xu hướng phát triển Công nghệ sinh học gắn với kế hoạch phát triển cá nhân - Ứng dụng Công nghệ sinh học tại cơ quan công tác của thí sinh
5	Công nghệ thực phẩm	<p>Chủ đề bài luận: Bạn hãy trình bày một định hướng nghiên cứu mà bạn sẽ dự định thực hiện khi được xét tuyển vào lĩnh vực bạn dự tuyển.</p>
6	Công nghệ chế biến thủy sản	<p>Chủ đề bài luận: Bạn hãy trình bày một định hướng nghiên cứu mà bạn sẽ dự định thực hiện khi được xét tuyển vào lĩnh vực bạn dự tuyển.</p>
7	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lễ hành	<p>Bài luận thuộc các chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thách thức của doanh nghiệp du lịch trong bối cảnh COVID-19. - Triển vọng của phát triển du lịch hậu COVID-19. - Những yêu cầu về chất lượng nhân lực du lịch trong giai đoạn mới.
8	Kỹ thuật ô tô	<p>Bài luận tổng quát ứng viên tự viết, chủ đề tự do theo mẫu hướng dẫn chung của Trường.</p>
9	Kỹ thuật Cơ khí động lực	<p>Bài luận tổng quát ứng viên tự viết, chủ đề tự do theo mẫu hướng dẫn chung của Trường.</p>
10	Kỹ thuật Cơ khí	<p>Bài luận thuộc các chủ đề:</p>
	Chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo	<p>Các chủ đề chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế trang thiết bị cơ khí - Chế tạo trang thiết bị cơ khí

		- Bảo trì trang thiết bị cơ khí
	Chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh	Các chủ đề chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh: - Thiết kế, chế tạo và bảo trì máy và thiết bị lạnh. - Thiết kế, chế tạo và bảo trì máy và thiết bị điều hòa không khí. - Thiết kế, chế tạo và bảo trì máy và thiết bị nhiệt.
11	Kinh tế phát triển	Chủ đề bài luận: Anh/Chị hãy trình bày những hiểu biết của mình về ngành dự tuyển và động cơ lựa chọn ngành dự tuyển.
12	Quản lý kinh tế	Chủ đề: Anh/Chị hãy trình bày những hiểu biết của mình về ngành dự tuyển và động cơ lựa chọn ngành dự tuyển.
13	Quản trị kinh doanh	Chủ đề: Anh/Chị hãy trình bày những hiểu biết của mình về ngành dự tuyển và động cơ lựa chọn ngành dự tuyển.
14	Kế toán	Bài luận thuộc các lĩnh vực: - Lĩnh vực Kế toán; - Lĩnh vực Kiểm toán; - Lĩnh vực Kiểm soát nội bộ; - Lĩnh vực phân tích tài chính & kinh doanh.

Phụ lục III
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN
SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNT ngày / /2025 của Trường ĐH Nha Trang)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	500-626
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis (ESOL)	B1	B2
		PTE Academic	43-58	59-75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Francaise diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF : 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4
4	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
5	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному (TORFL – Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ -1	ТРКИ -2

Ghi chú:

- Chứng chỉ hợp lệ là chứng chỉ thỏa mãn 2 điều kiện: (1) được cấp bởi một cơ sở liên kết được cấp phép bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo và (2) chứng chỉ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
- Danh sách các cơ sở được phê duyệt liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ được công bố trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo <https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/default.aspx> và trang thông tin điện tử của Cục quản lý chất lượng <https://vqa.moet.gov.vn/>.

Phụ lục IV

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH THEO KHUNG NL NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNT ngày / /2025 của Trường ĐH Nha Trang)

TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Tài chính - Marketing

Ghi chú: Danh sách được cập nhật đến tháng 11/2024.

Phụ lục V

DANH MỤC NGÀNH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC PHÙ HỢP DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNT ngày / /2025 của Trường ĐH Nha Trang)

1. Công nghệ thông tin		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính - Kỹ thuật phần mềm - Công nghệ thông tin - Hệ thống thông tin - Kỹ thuật máy tính - Truyền thông và mạng - Sư phạm Tin học 	<ul style="list-style-type: none"> - Điện tử truyền thông/viễn thông - Điều khiển tự động - Tin học công nghiệp - Toán và thống kê - Hệ thống thông tin quản lý - Hệ thống thông tin kinh tế <p>(Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh)</p>
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - INS329 Mạng máy tính 3TC - INS330 Cơ sở dữ liệu 3TC - INS325 Hệ điều hành 3TC - INS326 Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 3TC - INS339 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>	
2. Nuôi trồng thủy sản		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trồng thủy sản - Bệnh học thủy sản - Quản lý nguồn lợi thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thủy sản - Khoa học thủy sản - Khai thác thủy sản - Nông học - Nông nghiệp - Chăn nuôi - Thú y - Khuyến nông - Sinh học - Công nghệ sinh học - Sinh học ứng dụng - Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản - Khoa học môi trường
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - FBI336 Mô và phôi động vật thủy sản 3TC - FBI335 Sinh lý động vật thủy sản 3TC - FBI334 Sinh thái thủy sinh vật 3TC - AQT338 Dinh dưỡng trong nuôi trồng thủy sản 3TC - EPM351 Bệnh học thủy sản 4TC - AQT354 Sản xuất giống và nuôi cá biển 3TC 	

	<ul style="list-style-type: none"> - AQT355 Sản xuất giống và nuôi giáp xác 3TC - AQT353 Sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt 4TC - AQT356 Sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm 3TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
3. Khai thác thủy sản		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác thủy sản (Kỹ thuật Khai thác thủy sản, Khai thác Hàng hải thủy sản, An toàn Hàng hải, Khai thác-Hàng Hải, Công nghệ khai thác thủy sản) - Quản lý thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật cơ khí - Khoa học hàng hải - Công nghệ chế biến thủy sản, Chế biến thủy sản - Kinh tế thủy sản, Kinh tế nông nghiệp (Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh)
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - FIT3070020 Vật liệu và công nghệ chế tạo ngư cụ 3TC - FIT339 Cơ sở lý thuyết và thiết kế ngư cụ 3TC - FIT344 Khai thác thủy sản 1 - 4TC - FIT359 Khai thác thủy sản 2 - 4TC - FIT303 Nguồn lợi thủy sản 4TC - FIT352 Quản lý khai thác thủy sản 4TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
4. Quản lý thủy sản		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thủy sản. - Khai thác thủy sản (Kỹ thuật Khai thác thủy sản, Khai thác hàng hải thủy sản, Khai thác - Hàng hải, An toàn Hàng hải, Công nghệ Khai thác thủy sản). - Khoa học thủy sản - Nuôi trồng Thủy sản; Bệnh học Thủy sản; Quản lý nguồn lợi thủy sản - Chế biến thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch - Cơ khí thủy sản; Khoa học hàng hải - Kinh tế nông nghiệp; Quản lý kinh tế; Kinh tế thủy sản (Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh)
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - FIT348 Khai thác thủy sản 4TC - FIT308 Quản lý thủy sản 1 (Nuôi trồng thủy sản + Chế biến thủy sản) 4TC - FIT310 Quản lý thủy sản 2 (Quản lý khai thác thủy sản) 4TC - FIT333 Hải dương học nghề cá 3TC 	

	- FIT361 Nghề cá bền vững 3TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
5. Công nghệ Sinh học		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học - Kỹ thuật sinh học - Sinh học ứng dụng - Sinh học - Sư phạm sinh học - Kỹ thuật y sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Thực phẩm, thủy sản (Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ Chế biến Thủy sản, Nuôi trồng Thủy sản, Bệnh học thủy sản). - Nhóm ngành nông nghiệp (Nông nghiệp, Nông học, Chăn nuôi, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp). - Nhóm ngành lâm nghiệp (Lâm nghiệp, Lâm sinh, Nông lâm nghiệp, Công nghệ chế biến lâm sản). - Thú y - Nhóm ngành Y học (Xét nghiệm y học, Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y sinh học thể dục thể thao, Kỹ thuật y học). - Dược học - Nhóm ngành hóa học (Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Sư phạm hóa học). - Nhóm ngành môi trường (Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật môi trường). - Nhóm ngành máy tính, công nghệ thông tin và tin sinh học.
b)	Các học phần bổ sung kiến thức :	
	<ul style="list-style-type: none"> - BIO393 Hóa sinh học 3TC - BIO387 Vi sinh vật học 3TC - BIO3064 Kỹ thuật sinh học phân tử 5TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 11 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh).	
6. Công nghệ Thực phẩm		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học ứng dụng - Công nghệ sinh học - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Nông nghiệp - Hóa học - Sinh học
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	- Hóa học thực phẩm 2TC	

<ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh vật học thực phẩm 4TC - Vật lý thực phẩm 3TC - Kỹ thuật thực phẩm 4TC - Công nghệ lạnh và lạnh đông thực phẩm 4TC - Phân tích và đánh giá chất lượng thực phẩm 4TC - Quản lý chất lượng và luật thực phẩm 3TC - FOT341 Công nghệ đồ hộp thực phẩm 4TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>		
7. Công nghệ chế biến thủy sản		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Khai thác thủy sản - Khoa học thủy sản - Sinh học ứng dụng - Nông nghiệp - Công nghệ sinh học - Kỹ thuật hóa học - Hóa học - Sinh học
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh 3TC - BIO325 Hóa sinh 3TC - Công nghệ lạnh và lạnh đông 3TC - Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm 3TC - Bảo quản sản phẩm trên tàu cá 3TC - Kỹ thuật chế biến thủy sản 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>	
8. Công nghệ sau thu hoạch		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ chế biến thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học ứng dụng - Công nghệ sinh học - Nông nghiệp - Kỹ thuật hóa học - Hóa học - Sinh học - Quản lý thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Khai thác thủy sản - Khoa học thủy sản
b)	Các học phần bổ sung kiến thức	
	<ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh 3TC - Hóa sinh 3TC - POT339 Sinh lý nông sản và tổn thất sau thu hoạch 3TC 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh vật gây hại nông sản sau thu hoạch 2TC - Bảo quản lạnh và lạnh đông sản phẩm sau thu hoạch 2TC - Phân tích đánh giá chất lượng thực phẩm 3TC - Đánh giá nguy cơ trong xử lý, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch 2TC - Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm 2TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
9. Kỹ thuật ô tô		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật ô tô - Cơ khí động lực - Cơ khí giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí - Công nghệ chế tạo máy - Cơ điện tử - Kỹ thuật tàu thủy - Kỹ thuật điện – điện tử - Kỹ thuật nhiệt lạnh - Kỹ thuật hàng không - Khoa học Hàng hải (Các ngành liên quan khác, xem xét dựa vào bảng điểm đại học).
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - AUE337 Lý thuyết ô tô 3TC - AUE372 Kết cấu và tính toán ô tô 3TC - AUE370 Điện – Điện tử ô tô 3TC - MAE351 Động cơ đốt trong 3TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
10. Kỹ thuật tàu thủy		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật tàu thủy - Kỹ thuật cơ khí động lực - Kết cấu và công trình biển 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí - Công nghệ chế tạo máy - Kỹ thuật ô tô - Cơ khí giao thông - Khoa học hàng hải (Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh)
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - NAA338 Lý thuyết tàu thủy 4TC - Kết cấu tàu thủy 3TC - Sức bền tàu thủy 2TC - Thiết kế tàu thủy và ĐAMH 4TC - Công nghệ đóng sửa tàu vỏ thép và ĐAMH 4TC - NAA331 Kỹ thuật vẽ tàu 3TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
11. Kỹ thuật cơ khí động lực		

a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật tàu thủy (Cơ khí tàu thuyền, Động lực tàu, Máy tàu, Đóng tàu thủy, Vận hành và khai thác máy tàu); - Kỹ thuật cơ khí động lực (Cơ khí thủy sản, Động cơ nhiệt); - Kỹ thuật ô tô (Kỹ thuật ô tô- máy kéo, Kỹ thuật xe cơ giới); - Kỹ thuật giao thông (Cơ khí giao thông). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí, Cơ khí nông nghiệp, Cơ khí xây dựng; - Công nghệ chế tạo máy; - Khoa học hàng hải; Kỹ thuật nhiệt; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật xây dựng. <p>(Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh).</p>
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ đốt trong 3TC - Hệ thống truyền lực cơ khí 3TC - Hệ thống truyền động và điều khiển thủy khí 3TC - Máy chuyên dụng 3TC - Sửa chữa máy động lực 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>	
12. Kỹ thuật cơ khí		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật Cơ khí (Cơ khí nông nghiệp, Cơ khí xây dựng), Công nghệ kỹ thuật cơ khí. - Công nghệ chế tạo máy (Chế tạo máy, Kỹ thuật chế tạo). - Kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật nhiệt. 	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ kỹ thuật. - Kỹ thuật cơ khí động lực (Cơ khí thủy sản, Động cơ nhiệt...), - Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật ô tô (Kỹ thuật ô tô - máy kéo, Kỹ thuật xe cơ giới...), Công nghệ kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật tàu thủy (Cơ khí tàu thuyền, Động lực tàu, Máy tàu, Đóng tàu thủy, Vận hành và khai thác máy tàu...), Công nghệ kỹ thuật tàu thủy, - Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật không gian - Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. * Đối với chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh: <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thực phẩm (tốt nghiệp tại ĐH Nha Trang từ khóa 41 trở về trước). - Ngành Kỹ thuật điện - điện tử, Điều khiển tự động hóa, Điện khí hóa và cung cấp điện.
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	

<p>Chuyên ngành kỹ thuật chế tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - MET373 Cơ sở thiết kế máy 3TC - MET301 Kỹ thuật chế tạo 1 4TC - MET303 Kỹ thuật chế tạo 2 4TC - MET304 Kỹ thuật chế tạo 3 4TC - MET375 Công nghệ CAD/CAM 2TC - MET305 Máy CNC và rô bốt 2TC <p>Chuyên ngành kỹ thuật nhiệt lạnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - REE329 Truyền nhiệt và thiết bị trao đổi nhiệt 4TC - REE337 Kỹ thuật lạnh cơ sở 3TC - REE326 Nhiệt động lực học kỹ thuật 3TC - REE346 Kỹ thuật nhiệt 3TC - REE365 Kỹ thuật cháy, lò hơi công nghiệp 3TC - REE383 Kỹ thuật điều hòa không khí và thông gió 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>		
13. Kinh tế phát triển		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; - Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; - Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Quản lý kinh tế; - - Kinh tế các ngành và lĩnh vực; - Phát triển nông thôn; Hệ thống nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, bao gồm: Kinh doanh; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại; Marketing; Thương mại; Quản trị nhân lực; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh các ngành và lĩnh vực; - Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, bao gồm: Tài chính – Ngân hàng; Tài chính công; Bảo hiểm; Hải quan; Tài chính quốc tế; Thị trường và các định chế tài chính; - Kế toán – Kiểm toán, bao gồm: Kế toán; Kiểm toán; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán đơn vị sự nghiệp; Kế toán công; - Quản trị - Quản lý, bao gồm: Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng; Logistics và chuỗi cung ứng; <p>(Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh).</p>
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - ECS329 Kinh tế vi mô 3TC - ECS330 Kinh tế vĩ mô 3TC - ECS334 Kinh tế phát triển 3TC - ECS332 Kinh tế lượng 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>	
14. Quản lý Kinh tế		

a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kinh tế, Quản lý công, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế. - Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh thương mại 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản lý tài nguyên tài nguyên môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý xây dựng, Quản lý thủy sản, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản trị dự án,... - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Thương mại điện tử, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Thị trường chứng khoán, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế thủy sản, Kinh tế vận tải, Luật kinh tế,... <p>(Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh).</p>

b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - ECS329 Kinh tế vi mô 3TC - ECS330 Kinh tế vĩ mô 3TC - BUA325 Quản trị học 3TC - BUA336 Luật kinh doanh 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>	

15. Quản trị kinh doanh

a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, - Quản trị khách sạn, - Kinh doanh thương mại, - Quản trị kinh doanh quốc tế - Quản trị nhân lực - Marketing 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh nông nghiệp - Quản lý công nghiệp - Kinh tế (Kinh tế phát triển, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế thủy sản, Kinh tế du lịch, Kinh tế tài nguyên môi trường, Kinh tế vận tải, Kinh tế xây dựng, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế kế hoạch đầu tư, Kinh tế quốc tế, - Kinh tế thương mại, Luật kinh tế, Kinh tế đối ngoại) ... - Tài chính - Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Ngân hàng), Kế toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp), Kiểm toán, ...), Bất động sản, Thị trường chứng khoán, Bảo hiểm... - Khoa học quản lý, Hệ thống thông tin quản lý.

		(Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh).
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - ECS329 Kinh tế vi mô 3TC - ECS330 Kinh tế vĩ mô 3TC - BUA325 Quản trị học 3TC - BUA335 Marketing căn bản 3TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)	
16. Kế toán		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán - Kiểm toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính ngân hàng - Tài chính công - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại - Marketing - Kinh tế
b)	Các học phần bổ sung kiến thức:	
	<ul style="list-style-type: none"> - ACC325 Nguyên lý kế toán 2TC - ACC351 Kế toán tài chính 2TC - AUD348 Kế toán quản trị chi phí 2TC (Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 6 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh).	
17. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
a)	Ngành phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Du lịch; Văn hóa du lịch; Du lịch học; Địa lý du lịch; Hướng dẫn du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Kinh doanh thương mại; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý kinh tế; Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển; Marketing. - Việt Nam học, Tiếng anh du lịch, Tiếng Pháp du lịch; Tài chính ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, tài chính công); Kế toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp); Kiểm toán; - Các ngành khối KHXX&NV (Ngoại ngữ, Văn hóa) (Các ngành phù hợp khác do Tiểu ban xét tuyển xem xét, xác định và tư vấn HĐ tuyển sinh).

b)	Các học phần bổ sung kiến thức:
	<ul style="list-style-type: none"> - TOM389 Đại cương Quản trị doanh nghiệp du lịch 2TC - TOM336 Kinh tế du lịch 3TC - SSH321 Cơ sở văn hóa Việt Nam 3TC - TOM329 Tâm lý du khách và giao tiếp ứng xử trong du lịch 3TC - BUA335 Marketing căn bản 3TC <p>(Số tín chỉ bổ sung kiến thức không quá 12 TC, tùy thuộc vào chương trình học ghi trong bảng điểm của ứng viên/thí sinh)</p>